ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ LAI KHÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1619/QĐ-UBND	*Lai Khê ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ LAI KHÊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;Luật Kế toán, Luật ngân sách Nhà nước, Luật quản lý sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2025 nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lai Khê kỳ họp thứ tư về kế hoạch đầu tư công năm 2026; Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lai Khê về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Lai Khê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã quản lý.

(*có biểu chi tiết đính kèm****)***

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Đảng ủy, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã, Trưởng các phòng Kinh tế, Văn hóa - Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 5;
- Lưu VT, KT.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Viết Tuấn

Phụ lục: 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số:1619/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Lai Khê)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
A	**THU TRÊN ĐỊA BÀN**	**374.215**	
1	Thuế GTGT	120.510	
2	Thuế TNCN	11.150	
3	Lệ phí trước bạ	15.100	
4	Phí và lệ phí	600	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.480	
6	Thuê tiền thuê đất	11.670	
7	Thu tiền sử dụng đất	210.835	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	170	
9	Thu khác ngân sách	500	
10	Thu hoa lợi công sản	1.200	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ**	**296.797**	
I	**Thu theo tỷ lệ điều tiết**	**85.761**	
1	Thuế GTGT (xã 54%)	24.881	
2	Lệ phí trước bạ(xã 50%)	9.211	
3	Thu tiền thuê đất (xã 40%)	4.668	
4	Thu tiền sử dụng đất (xã 40%)	46.901	
5	Thu khác ngân sách	100	
II	**Thu ngân sách xã được hưởng 100%**	**4.280**	
1	Phí và lệ phí	600	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.480	
3	Thù từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	1.200	
III	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**206.756**	

Phụ lục: 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số:1619/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Lai Khê)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
A	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)**	**296.797**	
I	**Chi đầu tư XDCB**	**46.901**	
1	Chi đầu tư từ tiền đất	46.901	
II	**Chi thường xuyên**	**244.076**	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	141.124	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	
3	Chi Quốc phòng	3.116	
4	Chi An ninh	2.724	
5	Chi y tế dân số và gia đình	5.476	
6	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	1.607	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình TT	380	
8	Chi sự nghiệp thể dục - Thể thao	435	
9	Chi bảo vệ môi trường	3.676	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	14.572	
11	Chi quản lý hành chính (Đảng, Đoàn thể, HĐND)	35.223	
12	Chi đảm bảo xã hội	34.139	
13	Chi thường xuyên khác	1.214	
III	**Dự phòng Ngân sách xã**	**5.820**	
B	**Trong đó tiết kiệm chi TX 10%**	**5.997**	